

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 19/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021;

Căn cứ vào Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quý B ngày 17/6/2022.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ông Lê Quý B, sinh năm 1948; HKTT: Tập thể K, tổ 14, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Số nhà 07, tổ 10, phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B: Luật sư Lê Tiến Dũng và Luật sư Nguyễn Ngọc Thái - Công ty luật TNHH Thuận Phong; địa chỉ: Số nhà 449, đường Lê Quý Đôn, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

1.2. *Bị đơn*: Ông Lê Công T, sinh năm 1950 và bà Bùi Thị T1, sinh năm 1957; đều trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

1.3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1.3.1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1954

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

1.3.2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

1.3.3. Bà Lê Thị M, sinh năm 1935

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

1.3.4. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1944

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

1.3.5. Bà Lê Thị M1, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà N, bà M, bà N1, bà M1 là ông Lê Quý B (nguyên đơn).

1.3.6. Bà Lê Thị M2, sinh năm 1958

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M2 là ông Lê Công T (bị đơn).

1.3.7. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1959 (con bà Lê Thị Chè)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

1.3.8. Ông Phạm Tiến H2, sinh năm 1962 (con bà Lê Thị Chè)

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

1.3.9. Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1965 (con bà Lê Thị Chè)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

1.3.10. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trung K - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thái Thụy.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định thửa đất số 132, tờ bản đồ số 07, diện tích 610.9m² tại Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BG 635741 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 12/01/2012 là tài sản của ông Lê Công T và bà Bùi Thị T1.

2.2. Ông Lê Công T, bà Bùi Thị T1 và ông Lê Quý B tự nguyện thỏa thuận:

2.2.1. Ông Lê Quý B được quyền sử dụng 100m² đất ở trong thửa đất số 132, tờ bản đồ 07, có tứ cận như sau: phía Đông giáp đất ông T, bà T1 dài 3.73m + 5.5m; phía Tây giáp nhà bà B dài 9.24m; phía Nam giáp nhà đất ông T, bà T1, giáp ngõ đi chung dài 8.67m + 2m; phía Bắc giáp nhà ông T dài 8.81m + 2.18m và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 nhà mái bằng diện tích 54.3m² (nhà của ông Lê Công T và bà Bùi Thị T1); cầu thang diện tích 6.7m²; 01 phần nhà mái bằng có diện tích 8.1m² (nhà của bà Lê Thị M2), có tứ cận: phía Đông giáp nhà bà M2 dài 3.73m; phía Tây giáp đất chia cho ông B dài 3.74m; phía Nam giáp đất chia cho ông B dài 2.15m, phía Bắc giáp đất ông T dài 2.18m và sân gạch diện tích 30.9m² (có sơ đồ kèm theo). Ông Lê Quý B không phải thanh toán cho ông T, bà T1 và bà M2 giá trị các tài sản mà ông B được quyền sở hữu.

2.2.2. Ông Lê Công T, bà Bùi Thị T1 tự nguyện tách 32m² trong thửa đất 132, tờ bản đồ 07 làm ngõ đi chung cho các thửa đất của ông B và ông T, bà T1, có tứ cận như sau: phía Đông giáp nhà đất ông T, bà T1 dài 16.28m; phía Tây giáp đất ông T, bà T1 dài 15.74m; phía Bắc giáp đất tách cho ông B dài 2m; phía Nam giáp đường ngõ bê tông dài 2.07m (có sơ đồ kèm theo).

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quý B về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 635741 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 12/01/2012 đối với thửa đất số 132, tờ bản đồ số 07 mang tên ông Lê Công T và bà Bùi Thị T1.

4. Về chi phí tố tụng và án phí:

4.1. Về chi phí tố tụng: ông Lê Quý B nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng về

việc xem xét thẩm định, đo đạc, định giá tài sản là 10.000.000 đồng (đã thanh toán xong).

4.2. Án phí: Ông Lê Quý B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Hà